

PHỤ LỤC

CUNG CẤP THÔNG TIN NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ THÔNG TIN HƯỞNG CHẾ ĐỘ

(Kèm theo Công văn số /UBND-VHXX ngày tháng năm)

	Thông tin NCC													Th
STT	Họ và tên *	Số định danh cá nhân	Ngày tháng năm sinh *	Giới tính *	Loại đối tượng									Họ và tên
					Đối tượng thứ 1	Trợ cấp 1 lần	Trợ cấp hàng tháng	Mức hưởng *	Đối tượng thứ *	Trợ cấp 1 lần	Trợ cấp hàng tháng	Mức hưởng *	... Nếu thêm đối tượng thì mở thêm các cột tương ứng	
1	Phạm Văn Mãng	051054001957	30/12/1954	Nam	TB 28%		x	3.207.000						
2	Phạm Văn Ý	051049000769	01/01/1949	Nam	TB 25%		x	2.938.000						
3	Phạm Văn Đông	051050001328	01/01/1950	Nam	TB 21%		x	2.580.000						
4	Nguyễn Văn Ngọc	210892319	10/11/1956	Nam	TB 41%		x	4.369.000						
5	Võ Thị Hồng	210181667	10/01/1954	Nữ	TB 34%		x	2.780.000						
5							x		NCC giúp đỡ CM		x	1.208.000		
6	Phạm Văn Chia	210837630	18/07/1955	Nam	TB 31%		x	3.472.000						
7	Phạm Văn Bách	051050001315	01/01/1950	Nam	TB 21%		x	2.580.000						
8	Phạm Thị Bay	051139002774	01/01/1939	Nữ	TB 45%		x	4.726.000						
9	Phạm Văn Hứa	051048000792	20/10/1948	Nam	TB 21%		x	2.580.000						
10	Phạm Văn Thái	051048000794	01/01/1948	Nam	TB 41%		x	4.369.000						
11	Phạm Thị Hồng	051137007074	01/01/1937	Nữ	TB 41%		x	4.369.000						
12	Phạm Văn Phân	051054001965	01/01/1954	Nam	TB 61%		x	6.152.000						
13	Phạm Văn Địch	051039000358	01/01/1939	Nam	BB 50%		x	3.613.000						
14	Phạm Văn Lầy	051059001229	01/01/1959	Nam	BB 45%		x	3.613.000						
15	Phạm Văn Tiểu	051050001326	01/01/1950	Nam	BB 45%		x	3.613.000						
16	Phạm Thị Nan	051149001033	01/01/1949	Nữ	BB 50%		x	3.613.000						

17	Phạm Văn Tôm	051059001234	01/01/1959	Nam	BB 50%		x	3.613.000						
18	Phạm Văn Re	051056001399	01/01/1956	Nam	BB 50%		x	3.613.000						
19	Phạm Văn Nu	051051003604	01/01/1951	Nam	BB 50%		x	3.613.000						
20	Phạm Văn Bu	051051000792	01/01/1951	Nam	BB 45%		x	3.613.000						
21	Phạm Thị Xé	051154005033	01/01/1954	Nữ	BB 50%		x	3.613.000						
22	Phạm Văn Moát	051056006066	01/01/1956	Nam	BB 50%		x	3.613.000						
23	Phạm Văn Vúp	051054001970	01/01/1954	Nam	BB 45%		x	3.613.000						
24	Phạm Thị Thiên	051155002072	22/09/1955	Nữ	BB 45%		x	3.613.000						
25	Phạm Văn Đóc	051062001937	01/01/1962	Nam	BB 45%		x	3.613.000						
26	Phạm Văn Ách	051054001958	01/01/1954	Nam	BB 45%		x	3.613.000						
27	Phạm Văn Xanh	051057001628	01/01/1957	Nam	BB 45%		x	3.613.000						
28	Phạm Văn Đông	051054001971	10/05/1954	Nam	BB 50%		x	3.613.000						
29	Phạm Thị Long	051154002171	01/01/1954	Nữ	BB 50%		x	3.613.000						
30	Phạm Văn Xác	051054001967	01/01/1954	Nam	BB 45%		x	3.613.000						
31	Phạm Văn Rũa	051050004141	14/09/1950	Nam	BB 50%		x	3.613.000						
32	Phạm Văn Bôn	051034000172	01/01/1934	Nam	BB 50%		x	3.613.000						
33	Phạm Văn U	051054001962	01/01/1954	Nam	BB 50%		x	3.613.000						
34	Phạm Thị Bích	051155002075	01/01/1955	Nữ	BB 45%		x	3.613.000						
35	Phạm Văn Nem	051042000461	01/01/1942	Nam	BB 55%		x	4.329.000						
36	Phạm Văn Trường	051027000062	01/01/1927	Nam	BB 55%		x	4.329.000						
36							x		NCC giúp đỡ CM		x	1.639.000		
37	Phạm Văn Thênh	051046000706	01/01/1946	Nam	BB 55%		x	4.329.000						
38	Phạm Văn Tình	051049000768	01/01/1949	Nam	BB 55%		x	4.329.000						
39	Phạm Văn Lếch	051050001322	01/01/1950	Nam	BB 55%		x	4.329.000						
40	Trần Đình Đò	051054001963	02/03/1954	Nam	BB 66%		x	5.324.000						
41	Phạm Thị Xuân	051149001030	01/01/1949	Nữ	BB 66%		x	5.324.000						
42	Phạm Thị Điền	051152009374	01/01/1952	Nữ	BB 66%		x	5.324.000						
43	Phạm Văn Hen	051055001815	01/01/1955	Nam	BB 61%		x	5.324.000						
44	Phạm Văn Rê	051056001667	19/02/1956	Nam	BB 61%		x	5.324.000						
45	Phạm Thị Mâng	051151001026	01/01/1951	Nữ	BB 68%		x	5.324.000						
46	Phạm Thị Quyên	051149001042	01/03/1949	Nữ	BB 66%		x	5.324.000						
47	Phạm Thị Nhét	051146000885	01/01/1946	Nữ	BB 66%		x	5.324.000						
47							x		Tuất 01 LS		x	2.789.000		
48	Phạm Văn Hâng	051056001659	01/01/1956	Nam	BB 61%		x	5.324.000						
49	Phạm Thị Thôi	051156001953	01/01/1956	Nữ	BB 61%		x	5.324.000						
49							x		Tuất BB		x	1.565.000		
50	Phạm Thị Déo	051154002153	02/09/1954	Nữ	BB 61%		x	5.324.000						
51	Phạm Thị Churm	051154002168	01/01/1954	Nữ	BB 61%		x	5.324.000						
52	Phạm Văn Trò	051050001319	01/01/1950	Nam	BB 62%		x	5.324.000						

53	Phạm Văn Tích	051050001316	04/01/1950	Nam	BB 61%		x	5.324.000						
54	Phạm Thị Ách	051157001773	01/01/1957	Nữ	BB 62%		x	5.324.000						
55	Phạm Văn Nghị	051056001663	01/01/1956	Nam	BB 64%		x	5.324.000						
56	Phạm Thị Vết	051152001409	01/01/1952	Nữ	BB 61%		x	5.324.000						
57	Phạm Thị Hu	051158001950	01/01/1958	Nữ	BB 66%		x	5.324.000						
58	Phạm Thị Dơ	051151004245	01/01/1951	Nữ	BB 61%		x	5.324.000						
59	Phạm Thị Niên	051140007886	01/01/1940	Nữ	BB 68%		x	5.324.000						
60	Phạm Thị Pử	051154002163	01/01/1954	Nữ	BB 66%		x	5.324.000						
61	Phạm Thị Hút	051154002165	01/01/1954	Nữ	BB 66%		x	5.324.000						
62	Phạm Thị Dờ	051156001945	16/03/1956	Nữ	BB 68%		x	5.324.000						
63	Phạm Thị Nư	051154002166	01/01/1954	Nữ	BB 68%		x	5.324.000						
64	Phạm Văn Tô	051052001192	01/01/1952	Nam	BB 61%		x	5.324.000						
65	Phạm Thị Ban	051147000900	01/01/1947	Nữ	BB 62%		x	5.324.000						
66	Phạm Thị Bon	051145000807	01/01/1945	Nữ	BB 62%		x	5.324.000						
67	Phạm Văn Đon	051057001642	01/01/1957	Nam	BB 61%		x	5.324.000						
68	Phạm Văn Dừa	051054001968	01/01/1954	Nam	BB 62%		x	5.324.000						
69	Phạm Văn Mĩa	051051005743	01/01/1951	Nam	BB 64%		x	5.324.000						
70	Phạm Thị Sáp	051154006690	03/05/1954	Nữ	BB 67%		x	5.324.000						
71	Phạm Văn Răng	051046004188	01/01/1946	Nam	BB 65%		x	5.324.000						
72	Phạm Thị Hiếu	051154012841	01/01/1954	Nữ	BB 61%		x	5.324.000						
73	Phạm Văn Téo	051052001190	01/01/1952	Nam	BB 61%		x	5.324.000						
74	Phạm Văn Mó	051060009976	01/01/1960	Nam	BB 61%		x	5.324.000						
75	Phạm Văn Đít	051058001537	16/09/1958	Nam	BB 61%		x	5.324.000						
76	Phạm Thị Sẻ	051153001411	08/03/1953	Nữ	BB 61%		x	5.324.000						
77	Phạm Thị chiến	051150007047	01/01/1950	Nữ	BB 61%		x	5.324.000						
78	Phạm Thị Hương	051154007018	01/01/1954	Nữ	BB 61%		x	5.324.000						
79	Phạm Văn Diết	051050007533	01/01/1950	Nam	BB 61%		x	5.324.000						
80	Phạm Văn Hai	051043002885	01/01/1943	Nam	BB 61%		x	5.324.000						
81	Phạm Văn Nhanh	051052001191	01/01/1952	Nam	BB 61%		x	5.324.000						
82	Phạm Thị Lố	051153001410	01/01/1953	Nữ	BB 72%		x	6.031.000						
83	Phạm Thị Di	051126000043	01/01/1926	Nữ	BB 72%		x	6.031.000						
84	Phạm Thị Dừa	051146000889	01/01/1946	Nữ	BB 81%		x	8.479.000						
85	Phạm Thị Hoi	051149001031	15/08/1949	Nữ	Tuất 01 LS		x	2.789.000						
86	Phạm Thị Bê	051130003087	01/01/1930	Nữ	Tuất 01 LS		x	2.789.000						
87	Phạm Thị Giang	051157001763	01/01/1957	Nữ	Tuất 01 LS		x	2.789.000						
88	Phạm Thị Ru	051158001946	01/01/1958	Nữ	Tuất 01 LS		x	2.789.000						
89	Phạm Thị Bay	051139002774	01/01/1939	Nữ	Tuất 01 LS		x	2.789.000						
90	Nguyễn Thị Đụng	051134000177	01/01/1934	Nữ	Tuất 01 LS		x	2.789.000						
91	Phạm Thị Mạnh	051163002458	01/01/1963	Nữ	Tuất 01 LS hưởng ĐXND		x	5.020.000						

92	Phạm Thị Tê	051136000338	01/01/1936	Nữ	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên		x	1.565.000						
93	Phạm Thị Hoi	051139000408	01/01/1939	Nữ	Tuất TB, TB B từ 61% trở lên		x	1.565.000						
94	Phạm Thị Dọt	051159001604	01/01/1959	Nữ	Tuất BB		x	1.565.000						
95	Phạm Thị Tao	051161001510	01/01/1961	Nữ	Tuất BB		x	1.565.000						
96	Nguyễn Thị Tâm	051160002007	05/10/1960	Nữ	Tuất BB		x	1.565.000						
97	Phạm Thị Tác	051160001988	01/01/1960	Nữ	Tuất BB		x	1.565.000						
98	Phạm Thị Lễ	051158001945	16/08/1958	Nữ	Tuất BB		x	1.565.000						
99	Phạm Thị Nhem	051149001038	01/01/1949	Nữ	Tuất BB		x	1.565.000						
100	Nguyễn Thị Hồng	051152001415	01/01/1952	Nữ	Tuất BB		x	1.565.000						
101	Phạm Thị Vo	051149001046	01/01/1949	Nữ	NCC giúp đỡ CM		x	1.639.000						
102	Đỗ Thị Xuân	051141002976	10/03/1941	Nữ	NCC giúp đỡ CM		x	1.639.000						
103	Phạm Thị Mĩa	051130003722	01/01/1930	Nữ	NCC giúp đỡ CM		x	1.639.000						
104	Phạm Thị Hòn	051137007074	01/01/1937	Nữ	NCC giúp đỡ CM		x	1.639.000						
105	Phạm Thị Ang	051182011458	01/01/1982	Nữ	Con CĐHH >81%		x	2.789.000						
106	Phạm Văn Na	051085004057	01/01/1985	Nam	Con CĐHH >81%		x	2.789.000						
107	Phạm Văn Yên	051070003095	01/01/1970	Nam	Con CĐHH >81%		x	2.789.000						
108	Phạm Thị Lan	051136000337	02/07/1936	Nữ	Người HĐKM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đầy		x	1.673.000						
109	Phan Thị Ba	051145000806	01/01/1945	Nữ	Người HĐKM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đầy		x	1.673.000						
							x		Tuất liệt sĩ		x	2.789.000		
110	Phạm Thị Huê	051159001603	01-01-1959	Nữ	Tuất BB		x	1.565.000						
111	Phạm Văn loa	051054011815	01/01/1954	Nam	TB 21%		x	2.580.000						
112	Phạm Thị Đên	051148004596	01/01/1948	Nữ	TB 28%		x	3.207.000						
113	Phạm Văn Đồng	051038004192	01/01/1938	Nam	TB 22%		x	2.671.000						
114	Phạm Thị Đoi	051154005683	01/01/1954	Nữ	TB 28%		x	3.207.000						
115	Phạm Văn Nu	051038001864	01/01/1938	Nam	TB 26%		x	3.025.000						

116	Phạm Văn Đề	051051005457	01/01/1951	Nữ	TB 21%		x	2.580.000						
117	Phạm Văn Trung	051049004276	01/01/1949	Nam	TB 21%		x	2.580.000						
118	Phạm Văn Giờ	051039004180	01/01/1939	Nam	TB 31%		x	3.472.000						
119	Phạm Văn Hè	051054010994	01-01-1954	Nam	TB 21%		x	2.580.000						
120	Phạm Văn Đồi	051049004703	01/01/1949	Nam	TB 41%		x	4.369.000						
121	Phạm Văn Trường	051054013993	01/01/1954	Nam	BB 45%		x	3.613.000						
122	Phạm Văn Tổ	051055008078	01/01/1955	Nam	BB 50%		x	3.613.000						
123	Phạm Văn Rin	051051004363	01/02/1951	Nam	BB 50%		x	3.613.000						
124	Phạm Văn Ruông	051050006684	01/01/1950	Nam	BB 45%		x	3.613.000						
125	Phạm Văn Đoi	051043003242	16/05/1943	Nam	BB 50%		x	3.613.000						
126	Phạm Văn Ngừ	051043004374	01/01/1943	Nam	BB 45%		x	3.613.000						
127	Phạm Văn Long	051055008252	01/01/1955	Nam	BB 50%		x	3.613.000						
128	Phạm Văn Đênh	051043003731	10/06/1943	Nam	BB 50%		x	3.613.000						
129	Phạm Văn Ngoan	051049004072	01/01/1949	Nam	BB 50%		x	3.613.000						
							x		NCC giúp đỡ CM		x	1.639.000		
130	Phạm Văn Oăn	051046005668	01/01/1946	Nam	BB 55%		x	4.329.000						
131	Phạm Văn Tường	051058008695	20/05/1958	Nam	BB 62%		x	5.324.000						
132	Phạm Thị Xi	051154009296	08/07/1954	Nữ	BB 61%		x	5.324.000						
133	Phạm Văn Ngheo	501050003424	01/01/1950	Nam	BB 61%		x	5.324.000						
134	Phạm Thị Bay	051148003125	01/01/1948	Nữ	BB 61%		x	5.324.000						
135	Phạm Văn Choa	051051002923	01/01/1951	Nam	BB 61%		x	5.324.000						
136	Phạm Văn Nghin	051042004596	01/01/1942	Nam	BB 61%		x	5.324.000						
137	Phạm Văn Chểu	051054012453	01/09/1954	Nam	BB 61%		x	5.324.000						
138	Đinh Đức Phạ	051057008909	13/04/1957	Nam	BB 61%		x	5.324.000						
139	Phạm Văn Rép	051049005291	01/01/1949	Nam	BB 61%		x	5.324.000						
140	Phạm Văn Dân	051049004731	10/09/1949	Nam	BB 61%		x	5.324.000						
141	Phạm Văn Nha	051050005152	01/01/1950	Nam	BB 71%		x	6.031.000						
142	Phạm Thị Ứng	051149005857	01/01/1949	Nữ	Tuất 01 LS		x	2.789.000						
143	Phạm Thị Nho	051145002544	01/01/1945	Nữ	Tuất 01 LS		x	2.789.000						
144	Phạm Thị Ký	051145005452	01/01/1945	Nữ	Tuất 01 LS		x	2.789.000						
145	Phạm Thị Ré	051157003792	01/01/1957	Nữ	Tuất 01 LS		x	2.789.000						
146	Phạm Thị Lun	051147005519	01-01-1947	Nữ	Tuất TB, TBB		x	1.565.000						
147	Phạm Thị Run	051160008629	01-01-1960	Nữ	Tuất BB		x	1.565.000						
148	Phạm Thị Phuối	051153009017	01/01/1953	Nữ	Tuất BB		x	1.565.000						
149	Phạm Thị Đờ	051139004028	01/01/1939	Nữ	Tuất BB		x	1.565.000						
150	Phạm Thị Hinh	51156006228	09/04/1956	Nữ	Tuất BB		x	1.565.000						
151	Phạm Thị Ngã	051144003085	01/01/1944	Nữ	Tuất BB		x	1.565.000						
152	Phạm Thị Nhĩa	051130005422	01/01/1930	Nữ	NCC giúp đỡ CM		x	1.639.000						

153	Phạm Thị Nĩa	051153005200	01/01/1953	Nữ	NCC giúp đỡ CM		x	1.639.000						
154	Phạm Thị Ngõi	051149004370	01/01/1949	Nữ	NCC giúp đỡ CM		x	1.639.000						
155	Phạm Thị Hoàng	051153003323	01/01/1953	Nữ	NCC giúp đỡ CM		x	1.639.000						
156	Phạm Thị Am	051177010569	01/01/1977	Nữ	Con CĐHH 61%-80%		x	1.673.000						
157	Phạm Văn Riêng	051077006866	12/08/1977	Nam	Con CĐHH 61%-80%		x	1.673.000						
158	Phạm Văn Nhén				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Bó
159	Phạm Văn Nữa				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Lương
160	Phạm Văn Hều				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Gấp
161	Phạm Văn Soát				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Lếp
162	Phạm Văn Rót				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Tát
163	Phạm Văn Nhêu				TCLS	x		1.400.000						Phạm văn Mít
164	Phạm Văn Va Lách				TCLS	x		1.400.000						Phạm văn Đề
165	Phạm Văn Lên				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Nhin
166	Phạm Văn Dỗ				TCLS	x		1.400.000						Phạm văn Dân
167	Phạm Thị Pư				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Dân
168	Phạm Văn Sinh				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Hè
169	Phạm Văn Pép				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Cốp
170	Phạm Thị Chá (thá)				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Đước
171	Phạm Văn Va Lía				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Đút
172	Phạm Văn Gà				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Đút
173	Phạm Văn Nhua				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Tiêu
174	Phạm Văn Bặc				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Ngõi
175	Phạm Văn Viều				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Dôm
176	Phạm Văn Trào				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Xong
177	Phạm Văn Kéo				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Vẽ
178	Phạm Văn Dầy				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Oang
179	Phạm văn Dỗ				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Dung
180	Phạm Thị Êu				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Chênh
181	Phạm Văn Hua				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Chểu
182	Phạm văn Rua				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Chểu
183	Phạm văn Hinh				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Nữ
184	Phạm văn Đong				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Oi
185	Đinh Cách				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Chia
186	Phạm Văn Thế				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Ngật
187	Phạm Văn Nhói				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Meo
188	Phạm văn Nhân				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Đên
189	Phạm văn Dơi				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Choa

190	Phạm văn Múa				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Lác
191	Phạm Văn Dậu				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Lói
192	Phạm Văn Troi				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Ró
193	Phạm Thị Nưa				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Lơ
194	Phạm Thị Nốc				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Nho
195	Phạm Văn Tói				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Đất
196	Phạm Văn Mùn				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Ngọt
197	Phạm Văn Day				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Chóa
198	Phạm Văn Nấp				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Mẹ
199	Phạm văn Nghèo				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Tang
200	Phạm Văn Ngheo				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Nhảm
201	Phạm văn Đồng				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Ngử
202	Đinh Lãng				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Đênh
203	Phạm Văn Tim				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Bảy
204	Phạm Văn Rong				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Ngoanh
205	Phạm Thị Di				TCLS	x		1.400.000						Phạm văn Ngoanh
206	Phạm văn Lốc				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Bường
207	Phạm văn Đắp				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Theo
208	Phạm Văn Đúc				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Theo
209	Phạm Văn Tha				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Rệt
210	Phạm văn Đoàn				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Nha
211	Phạm Thị Xuya				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Ni
212	Phạm văn Thuê				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Gai
213	Phạm Văn Thái				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Goa
214	Phạm văn Thập				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Ngú
215	Phạm Văn Tiên				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Bênh
216	Phạm Văn Trêu				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Chư
217	Phạm Thị Manh				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Tiên
218	Phạm Thị Rẻ				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Đin
219	Phạm Văn Đẳng				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Đin
220	Phạm Văn Va Lúa				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Nhĩa
221	Phạm Thị Huých				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Ngử
222	Phạm Noi				TCLS	x		1.400.000						UBND xã Ba Giang
223	Phạm Thị Xăm				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Vách
224	Phạm Văn Ruồng				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Tranh
225	Phạm Văn Nghit				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Ắng
226	Phạm Văn Hười				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Mót
227	Đinh Văn Lập				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Xói
228	Phạm Văn Kĩa				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Chả
229	Phạm Văn Chây				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Yêu

230	Phạm Văn Đình				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Xốt
231	Phạm Văn Nghĩa				TCLS	x		1.400.000						UBND xã Ba Giang
232	Đình Sốt				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Nga
233	Phạm Văn Leng				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Âu
234	Phạm Thị Kreng				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Vo
235	Phạm Thị Hi				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Chăm
236	Phạm Văn Gun				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Chếp
237	Phạm Văn Nhẫu				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Tria
238	Phạm Văn Chăng				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Chunh
239	Phạm Văn Leo				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Déo
240	Phạm Văn Dêch				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Déo
241	Phạm Văn Láy				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Dôn
242	Phạm Văn Ngọc				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Đòi
243	Phạm Thị Han				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Đon
244	Phạm Văn Lã				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Đon
245	Phạm Pờ Ruôn				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Đon
246	Phạm Văn Sắp				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Ước
247	Phạm Văn Thô				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Ước
248	Phạm Văn Hông(Hông)				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Dá
249	Phạm Văn Sương				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Hăng
250	Phạm Văn Giêng				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Hê
251	Phạm Văn Sao				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Im
252	Nguyễn Thị Đồ				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Lan
253	Phạm Văn Nê				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Lờì
254	Huỳnh Luân				TCLS	x		1.400.000						Huỳnh Thị Luân
255	Phạm Văn Ya				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Mui
256	Phạm Thị Ngái				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Nhi
257	Phạm Văn Điền				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Pẹa(Bểa)
258	Phạm Văn Phía				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Phay
259	Phạm Thị Đin				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Phường
260	Phạm Văn Rin				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Phường
261	Phạm Thị Lan				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Sê
262	Phạm Văn Gõ (gồ)				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Tác
263	Phạm Văn Tăng				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Tác
264	Phạm Văn Nhũa				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Tê
265	Phạm Văn Hòn				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Thênh
266	Phạm Thị Nhúi(nhúi)				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Thu
267	Phạm Văn Xăm				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Nhiếp

268	Phạm Văn Múa				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Xát (Xác)
269	Phạm Văn Mai				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Xác
270	Phạm Văn Rị				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Noan
271	Phạm Văn Goi				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Gó
272	Phạm Văn Hước				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Lóa
273	Phạm Văn Dé				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Lá
274	Phạm Văn Dịu				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Út
275	Phạm Văn Bói				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Nừm
276	Phạm Văn Sóc				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Pa Rơ
277	Phạm Văn Nho				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Hòa(Hoà)
278	Phạm Văn Rèm				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Ru
279	Phạm Văn Rôm				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Ới
280	Phạm Văn Chuôi				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Dong (Gi)
281	Phạm Văn Thác				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Biếp
282	Phạm Văn Tháo				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Pồ(Phổ)
283	Phạm Văn Hĩa				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Thuốc
284	Phạm Văn Gò				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Quầu
285	Phạm Văn Kiêm				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Quầu
286	Phạm Văn Lợi				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Quầu
287	Phạm Văn Hừ				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Hâng
288	Phạm Văn Nhẫu				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Diếc
289	Phạm Văn Nhóa				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Ích
290	Đinh Văn Héo				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Ó
291	Phạm Văn Gôn				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Dờ
292	Phạm Văn Nhea				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Điền
293	Phạm Thị Ắng				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Sa
294	Trần Châu Loan				TCLS	x		1.400.000						Trần Thanh Hùng
295	Phạm Văn Đành				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Nát
296	Phạm Văn Leng				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Trênh
297	Phạm Thị Chín				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Rê
298	Phạm Văn Bay				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Tộc
299	Phạm Văn Phóc				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Quyên
300	Đinh Văn Chế(Thế)				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Mã
301	Phạm Văn Ruynh				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Riều
302	Phạm Văn Nhảy				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Lối
303	Đinh Văn Theo				TCLS	x		1.400.000						Nguyễn Thanh Tạo
304	Phạm Văn Biều				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Xích
305	Phạm Văn Háy				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Hóp
306	Phạm Văn Thi				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Đây

307	Phạm Văn Pa Nói				TCLS	x		1.400.000						Đinh Văn Nhân
308	Phạm Thị Cây				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Tiêu
309	Phạm Văn Mai				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Nghin
310	Phạm Văn Bầy				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Nuôi
311	Phạm Văn Ghiêu				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Ne
312	Phạm Văn Lá				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Léa
313	Phạm Văn Chu				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Sông
314	Đinh Văn Giấy				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Xé
315	Trịnh Hiền				TCLS	x		1.400.000						Trịnh Xin
316	Phạm Văn Hôm				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Chiến
317	Phạm Thị Gét				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Vên
318	Phạm Văn Lũ				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Lôi
319	Phạm Thị Gót				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Lôi
320	Phạm Văn Gieo				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Xíp
321	Phạm Văn Đạt				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Xuân
322	Phạm Văn Gự(Cự)				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Tới
323	Phạm Văn Dí				TCLS	x		1.400.000						Phạm Thị Mác
324	Phạm Văn Duông				TCLS	x		1.400.000						Phạm Văn Trật

ĐỘ ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG
g 12 năm 2025)

Thông tin người hưởng *			Thông tin chi trả trợ cấp bằng hình thức chuyển khoản				Thông tin chi trả trợ cấp bằng hình thức nhận tiền mặt	
Số CCCD	Ngày sinh	Quan hệ với NCC	Số tài khoản NH	Tên ngân hàng	Tên chủ tài khoản*	Số CCCD chủ tài khoản *	Tên người nhận*	Số CCCD người nhận *
			4509215021786	Agribank Ba Tư	Phạm Văn Cam	051078002743		

			4509205116755	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Thái	051307012460		
			4509205117417	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Thạch	051306001650		
			4509249005350	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Bách	051050001315		
			4509249004863	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Lúa	051162002113		
			4509249004863	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Lúa	051162002113		
			4509205116755	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Thái	051307012460		

			4509249006114	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Hụ	051158001950		
			4509249003507	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Tích	051050001316		
			4509215028076	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Mãng	051151001026		
			4509249008530	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Tiểu	051050001326		
			4509249006189	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Nghi	051086002140		
			4509249005207	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Phân	051054001965		
			4509249005213	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Tơ	051196007242		
			4509249004870	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Ry	051193002218		
			4509249004805	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Lôi	051060001825		
			4509249004870	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Ry	051193002218		
			4509249004784	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Siêng	051082002638		
			4509249003571	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Phay	051061001325		
			4509249004886	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Triền	15-05-1995		
			4509249001865	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Trơi	051079002746		
			4509205021330	Agribank Ba Tơ	Nguyễn Thị Hồng H	051176002984		
			4509249004790	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Trai	051187002723		

			4509249006239	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Trang	051199001233		
			4509205009630	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Kim Quyế	051193002219		
			4509215015494	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Đối	051180000854		
			4509205017355	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Thủy	051178015709		
			4509249008887	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Quyên	051085002802		
			4509215021786	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Cam	051078002743		
			4509249004811	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Xuyên	051177002744		
			4509249006195	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Hen	051197001278		
			4509215027169	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Loan	051304006610		
			4509215027044	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Nghệ	051189002838		
			4509215027219	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Oi	051153004930		

			4509215014818	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Na	051080014165		
			4509215015124	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Ôt	051092006896		
			4509215027327	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Chia	051085005694		
			4509205136680	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Thìn	051196014065		
			4509215027044	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Nghệ	051189002838		
			4509215014910	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Tây	051083005823		
			4509215027231	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Phúc	051092005359		
			4509215019017	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Bách	051191007703		
			4509215027333	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Hoàng	051203002980		
			4509215027073	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Lờ	051096014456		
			4509215014955	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Tinh	051190013645		
			4509215026960	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Thôn	051087012948		
			4509215028581	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Hôn	051090015971		
			4509231001584	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Hoàng	051147005832		
			4509215027202	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Cáo	051208011703		
			4509215015147	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Tiêu	051089004945		
			4509215015039	Agribank Ba Tơ	Đinh Văn Hồng	051088014784		
			4509215015045	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Phát	051090008388		
			4509215026960	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Thôn	051087012948		
			4509215027130	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Dung	051098004163		
			4509249003303	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Thấy	051301004779		
			4509215014818	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Na	0510380014165		
			4509215027198	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Đồng	051038004192		
			4509205125444	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Ấy	051076012181		
			4509205121262	Agribank Ba Tơ	Đinh Thị Thiu	051194011569		
			4509215027391	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Hôn	051086011131		
			4509205032598	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Thê	051089014698		
			4509215015153	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Bầy	051088016854		
			4509215015080	Agribank Ba Tơ	Đinh Văn Nghiêm	051091015976		
			4509215027181	Agribank Ba Tơ	Phạm Thị Thía	051307006440		
			4509215026990	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Rôn	051078005762		

			4509249003299	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Tích	051084006238		
			4509215027021	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Cêm	051092015436		
			4509215015305	Agribank Ba Tơ	Phạm Văn Chóe	051078005129		
051066016040	01-01-1966	Cháu						
051164008624	01-01-1964	Cháu ruột						
051064015648	01-01-1964	Con						
051067017099	01-01-1967	Cháu						
051188009628	01-01-1998	Cháu dâu						
051075013990	14-03-1975	Cháu						
051051005457	01-01-1951	Con						
051088004522	02-03-1988	Cháu nội						
051049004731	10-09-1949	Anh						
051049004731	10-09-1949	Em						
051054010994	01-01-1954	Anh						
051164014010	01-01-1964	Cháu						
051159008298	01-01-1959	Cháu						
051169008628	01-01-1969	Cháu						
051169008628	01-01-1969	Cháu						
051158007637	01-01-1958	Con						
051149004370	01-01-1949	Em						
051061007942	01-01-1961	Con						
051176016335	01-01-1976	Cháu						
051080014502	12-09-1980	Cháu						
051054014260	30-03-1954	Em						
051063012123	01-01-1963	Cháu						
051050006540	01-01-1950	Cháu						
051045012453	01-09-1954	Anh						
051045012453	01-09-1954	Cháu						
051038001864	01-01-1938	Anh						
051153004930	01-05-1953	Con						
051064013834	25-05-1946	Cháu						
051136002300	01-01-1936	Chị						
051070024437	01-01-1970	Cháu						
051134003128	01-01-1934	Cháu						
051169005636	01-01-1969	Con						

051152005333	01-01-1952	Cháu						
051176018563	05-06-1976	Cháu						
051168017209	16-03-1968	Cháu						
051186006964	03-06-1986	Cháu						
051060005276	20-09-1960	Con						
051067016333	01-01-1967	Con						
051157000596	01-01-1957	Con						
051178007382	07-02-1978	Cháu						
051154007283	01-01-1954	Con						
051068018099	10-05-1968	Con						
051145006094	03-09-1945	Con dâu						
051043004374	01-01-1943	Anh						
051043003713	10-06-1943	Em						
051088016854	02-03-1988	Cháu						
051068021754	01-01-1968	Con						
051068021754	01-01-1968	Con						
051072012848	04-02-1972	Con						
051097015540	12-08-1997	Cháu ruột						
051097015540	12-08-1997	Cháu ruột						
051060009028	10-09-1960	Cháu						
051050005152	01-01-1950	Cháu						
051154005436	01-01-1954	Con						
051152006616	01-01-1952	Con						
051154004923	01-01-1954	Em						
051153003779	01-01-1953	Em						
051179013240	01-01-1979	Cháu						
051074013493	01-01-1974	Em						
051155007377	20-08-1955	Chị						
051159004680	01-01-1959	Em						
051159004680	01-01-1959	Con						
051130005422	01-01-1930	Cháu						
051089016033	03-08-1989	Cháu ruột						
		CQ QL						
051082017372	07-02-1982	Cháu ruột						
051198005233	25-08-1998	Cháu ruột						
051178015416	17-10-1978	Cháu ruột						
051098007190	30-01-1998	Cháu ruột						
051075004907	05-02-1975	Cháu ruột						
051182005666	02-03-1982	Cháu ruột						
051096010780	01-01-1996	Cháu ruột						

051181015824	01-01-1981	Cháu ruột						
		CQ QL						
051178008961	01-01-1978	Cháu ruột						
051065002486	12/09/1965	Con						
051149001046	01/01/1944	Cháu						
051161001495	01/01/1961	Con						
051154002162	01/01/1954	Con						
051084002686	10/12/1984	Cháu						
051039002892	01/01/1939	Anh						
051154002153	02/09/1954	Con						
051154002153	02/09/1954	Chị						
051065002482	01/01/1965	Con						
051058001534	01/01/1958	Cháu						
051057001642	01/01/1957	Cháu						
051057001642	01/01/1957	Con						
051057001642	01/01/1957	Cháu						
051079002760	25/06/1979	Cháu						
051079002760	25/06/1979	Cháu						
051154002164	01/01/1954	Em						
051159009342	01/01/1959	Em						
051145004069	01/01/1945	Con						
051165002539	01/01/1965	Con						
051136000337	02/07/1936	Dâu						
051066002707	16/06/1966	Con						
051153001406	12/07/1953	Con						
051164011224	01/01/1964	Con						
051136000339	01/01/1936	Em dâu						
051143005969	01/01/1943	Em						
051061001325	12/12/1961	Anh						
051081002238	02/03/1981	Cháu						
051081002238	02/03/1981	Cháu						
051053001411	08/03/1953	Chị						
051160001988	01/01/1960	Dâu						
051160001988	01/01/1960	Cháu dâu						
051068014932	01/01/1968	Cháu						
051046000706	01/01/1946	Cháu						
051083002695	02/10/1983	Cháu						
051182003127	15/05/1982	Cháu						

051054001967	01/01/1954	Cháu						
051054001967	01/01/1954	Cháu						
051072021281	01/10/1972	Cháu						
051060001816	15/06/1960	Cháu						
051090002339	10/09/1990	Cháu						
051179003119	10/02/1979	Cháu						
051087002761	01/01/1987	Vợ						
051081002231	12/09/1989	Cháu						
051177002715	10/04/1977	Con						
051155001758	13/05/1955	Con						
051058001946	01/01/1958	Con						
051057001629	06/09/1957	Em						
051157001763	01/01/1957	Con						
051185008245	19/04/1985	Cháu						
051161001513	01/01/1961	Em						
051049000766	01/01/1949	Em						
051064002771	10/03/1964	Cháu						
051064002771	10/03/1964	Cháu						
051064002771	10/03/1964	Cháu						
051056001659	01/01/1956	Em						
051060001827	29/06/1960	Con						
051060001805	20/03/1960	Con						
051164002771	10/05/1964	Cháu						
051156001945	16/03/1956	Con						
051052009374	01/01/1952	Con						
051085002314	02/06/1985	Cháu						
051053001225	26/02/1953	Con						
051058001529	01/01/1950	Em						
051156001950	01/01/1956	Con						
051056001662	01/01/1956	Em						
051152001410	01/01/1952	Con						
051085002802	01/01/1985	Cháu						
051146000883	01/01/1946	Em						
051146000886	01/01/1946	Chị						
051158001947	01/01/1958	Cháu						
051068003028	20/01/1968	Cháu						
051164002779	13/06/1964	Con						
051060001834	12/11/1960	Em						
051173002677	01/06/1973	Cháu						

051059001230	01/01/1959	Con						
051176002983	01/01/1976	Cháu						
051161001506	10/11/1961	Con						
051152001408	01/01/1952	Em dâu						
051162002117	01/01/1962	Con						
051062002113	01/01/1962	Con						
051012001143	01/10/2000	Cháu						
051154008033	01/01/1959	Chị						
051062001935	24/05/1962	Con						
051150007047	01/01/1950	Chị						
051161001492	01/01/1961	Cháu						
051060001825	01/01/1960	Con						
051060001825	01/01/1960	Con						
051068013720	17/10/1968	Cháu						
051075002645	01/01/1975	Cháu						
051196007242	26/06/1996	Chắc						
051174002524	20/08/1974	Em						
051082002633	01/01/1982	Cháu						

Cột A: Số thứ tự dòng dữ liệu

Cột B: Ghi đầy đủ họ, tên đệm và tên của người có công theo giấy tờ tùy thân (CCCD/CMND/Hộ chiếu); Có thể viết in hoa hoặc in thường, nhưng phải đúng chính tả và có dấu tiếng Việt đầy đủ.

Cột C: Ghi 12 số của CCCD gắn chip của người có công; Nếu người có công chưa có CCCD → ghi 9 số CMND cũ; Không chèn dấu cách, dấu chấm.

Cột D: Ghi ngày sinh của người có công theo định dạng dd/MM/yyyy; Nếu chỉ có năm sinh → ghi năm (ví dụ: 1947); Nếu có ngày tháng nhưng không chắc → đối chiếu giấy tờ trước khi điền.

Cột E: Ghi giới tính của người có công (Nam hoặc Nữ) theo đúng giấy tờ tùy thân.

Cột F: Ghi đúng loại đối tượng Người có công theo Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 hoặc Nghị định 131/2021/NĐ-CP hoặc theo loại đối tượng trong hồ sơ công nhận người có công; Cột này chỉ ghi 1 loại đối tượng; Nếu một người thuộc nhiều loại đối tượng, ghi loại đối tượng thứ 1 tại cột F; các loại đối tượng tiếp theo sẽ ghi ở các cột Loại đối tượng thứ 2, thứ 3, ... tương ứng.

Cột G: Đánh dấu X: nếu Loại đối tượng 1 có hưởng trợ cấp 1 lần; Để trống: Nếu Loại đối tượng 1 không hưởng trợ cấp 1 lần

Cột H: Đánh dấu X: nếu Loại đối tượng 1 có hưởng trợ cấp hàng tháng; Để trống: Nếu Loại đối tượng 1 không hưởng trợ cấp hàng tháng"

Cột I: Bắt buộc điền khi Loại đối tượng 1 được hưởng trợ cấp 1 lần hoặc hàng tháng; Ghi số tiền trợ cấp theo quyết định hưởng; Ghi bằng VNĐ, không dùng dấu chấm hoặc dấu phẩy phân tách hàng nghìn; Ví dụ: 1643000 hoặc 2450000"

Cột J: Ghi các loại đối tượng người có công tiếp theo nếu người đó thuộc từ 2 loại đối tượng trở lên; Ghi đúng loại đối tượng Người có công theo Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 hoặc Nghị định 131/2021/NĐ-CP hoặc theo loại đối tượng trên hồ sơ công nhận người có công; Mỗi loại đối tượng chỉ ghi ở 01 cột tương ứng.

Cột K: Đánh dấu X: nếu Loại đối tượng thứ (tương ứng) có hưởng trợ cấp 1 lần; Để trống: Nếu Loại đối tượng thứ ... (tương ứng) không hưởng trợ cấp 1 lần

Cột L: Đánh dấu X: nếu Loại đối tượng thứ ... (tương ứng) có hưởng trợ cấp 1 lần; Để trống: Nếu Loại đối tượng thứ ... (tương ứng) không hưởng trợ cấp 1 lần"

Cột M: Bắt buộc điền khi Loại đối tượng thứ ... (tương ứng) được hưởng trợ cấp 1 lần hoặc hàng tháng; Ghi số tiền trợ cấp theo quyết định hưởng; Ghi bằng VNĐ, không dùng dấu chấm hoặc dấu phẩy phân tách hàng nghìn.

Ví dụ: 1643000 hoặc 2450000

Cột N: Nếu người có công thuộc nhiều hơn số lượng cột hiện có, tiếp tục mở thêm các nhóm cột với cấu trúc: Loại đối tượng thứ ..., Trợ cấp 1 lần, Trợ cấp hàng tháng, Mức hưởng

Cột O - Cột G: thân nhân người có công, người đang hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ, người hưởng chế độ vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác

Cột O: Ghi đầy đủ họ, tên đệm và tên của người được uỷ quyền hưởng theo giấy tờ tùy thân (CCCD/CMND/Hộ chiếu); Có thể viết in hoa hoặc in thường, nhưng phải đúng chính tả, có dấu tiếng Việt đầy đủ.

Cột P: Ghi 12 số của CCCD gắn chip của người được uỷ quyền hưởng; Trường hợp chưa có CCCD → ghi 9 số CMND; Không ghi dấu cách, dấu chấm hoặc ký tự khác.

Cột O: Ghi ngày sinh của người được uỷ quyền hưởng theo định dạng dd/MM/yyyy; Nếu chỉ có năm sinh → ghi năm (ví dụ: 1947); Nếu có ngày tháng nhưng không chắc → đối chiếu giấy tờ trước khi điền.

Cột R: Ghi mối quan hệ giữa người có công và người được uỷ quyền hưởng; Ghi ngắn gọn, rõ ràng.

Cột S: Ghi số tài khoản ngân hàng đã nhận chi trả qua hình thức chuyển khoản

Cột T: Ghi tên ngân hàng nhận chi trả trợ cấp qua hình thức chuyển khoản

Cột U: Ghi đầy đủ họ, tên đệm và tên chủ tài khoản nhận chi trả trợ cấp bằng hình thức chuyển khoản theo giấy tờ tùy thân (CCCD/CMND/Hộ chiếu); Có thể viết in hoa hoặc in thường, nhưng phải đúng chính tả và có dấu tiếng Việt đầy đủ.

Cột V: Ghi 12 số của CCCD gắn chip của chủ tài khoản ngân hàng nhận chi trả trợ cấp; Nếu chủ tài khoản ngân hàng chưa có CCCD → ghi 9 số CMND cũ; Không chèn dấu cách, dấu chấm.

Cột W: Ghi đầy đủ họ, tên đệm và tên của người nhận trợ cấp bằng hình thức nhận tiền mặt theo giấy tờ tùy thân (CCCD/CMND/Hộ chiếu); Có thể viết in hoa hoặc in thường, nhưng phải đúng chính tả và có dấu tiếng Việt đầy đủ.

Cột X: Ghi 12 số của CCCD gắn chip của người nhận trợ cấp bằng hình thức nhận tiền mặt; Nếu người nhận trợ cấp bằng hình thức nhận tiền mặt không có CCCD → ghi 9 số CMND cũ; Không chèn dấu cách, dấu chấm.